TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 361/2023/DS-PT
Ngày 05-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Trúc;

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 230/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 311/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 380/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1958; địa chỉ: số A, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: số H, đường B, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1958; địa chỉ: số C, đường N, tổ A, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/02/2023), vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1981; địa chỉ: số B, đường Đ, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Vũ Dương Hữu T1, sinh năm 1979; địa chỉ: số A, đường B, khu phố C, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2023), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1983; địa chỉ: số G, P, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu P: Bà Dương Thị Hồng N, sinh năm 1997; địa chỉ: thôn P, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; địa chỉ liên hệ: số B, đường T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03/4/2023), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* bị đơn bà Nguyễn Ngọc G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Phạm Văn T và người đại diện hợp pháp của ông T là ông Phạm Văn B trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước giữa ông T với bà P, bà P biết ông T là người cho vay tiền, bà G đang cần tiền để đáo hạn ngân hàng nên ngày 01/11/2022, bà P đã giới thiệu ông T với bà G. Bà P là người trực tiếp điện thoại cho ông T và trình bày bà G cần tiền đáo hạn nên đề nghị ông T cho bà G vay số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), ông T đồng ý và ông T cầm điện thoại của bà P nói chuyện trực tiếp với bà G để thỏa thuận về lãi suất, thời gian vay, số tiền vay, cụ thể: số tiền vay là hai tỷ đồng, thời gian vay là 02 ngày, lãi suất 2%/ ngày. Ngay sau khi ông T và bà G thỏa thuận xong thì bà G cung cấp số tài khoản cho ông T (bà G nhắn tin số tài khoản vào điện thoại của ông T và ông T chuyển số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) qua số tài khoản bà G đã cung cấp). Việc chuyển tiền qua tài khoản có sao kê đã cung cấp cho Tòa án, đến ngày 03/11/2022, bà G trả lại cho ông T số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng - chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng của ông T), còn nợ lại số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), bà G hẹn đến ngày 09/11/2022, sẽ trả hết cho ông T. Ông T đồng ý cho bà G nợ đến ngày 09/11/2022, để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ bà G đã viết giấy biên nhận có nội dung: *"Biên nhận. Ngày 3/11/20022. G đã trả cho anh T trước 1 tỷ tiền mượn, còn lại 1 tỷ ngày 9/11/2022 sẽ trả lại 1 tỷ còn lại"* và phía dưới có ký, viết họ tên Nguyễn Ngọc G.

Nhưng từ đó đến nay, bà G chưa trả cho ông T số tiền còn lại, số tiền lãi 5.000.000 đồng thì bà P đã thay mặt bà G trả cho ông T. Sau nhiều lần liên hệ yêu cầu bà G thanh toán không được nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc bà Nguyễn Ngọc G trả lại cho ông Phạm Văn T số tiền 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 03 tháng là 48.000.000 đồng (1.000.000.000 đồng x 1,6% x 03 tháng – tính từ ngày 09/11/2022 đến ngày 09/02/2023). Tổng cộng bà G phải trả cho ông T số tiền 1.048.000.000 đồng (một tỷ không trăm bốn mươi tám triệu đồng).

Nguyên đơn không đồng ý với ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị đơn là buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thanh toán số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) còn lại cho nguyên đơn, vì việc thỏa thuận cấn trừ nợ giữa bà G và bà P là việc của hai bên, nguyên đơn không biết và cũng không đồng ý thỏa thuận này, trong biên nhận bà G cũng xác nhận đến ngày 09/11/2022 bà G "sẽ trả lại 1 tỷ còn" lại chứ không phải bà P có trách nhiệm trả lại. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bà G phải có trách nhiệm thanh toán tiền nợ còn lại và tiền lãi cho nguyên đơn như đã trình bày ở trên.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu tính tiền lãi trong khoảng thời gian từ ngày 09/11/2022 đến ngày 09/02/2023, đối với

số tiền lãi sau khi xét xử sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

- Bị đơn bà Nguyễn Ngọc G và người đại diện hợp pháp của bị đơn bà G là ông Vũ Dương Hữu T1 thống nhất trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc vay tiền, thỏa thuận tiền lãi, thời gian trả nợ và số tiền lãi, tiền gốc bị đơn đã trả được cho nguyên đơn.

Ngày 01/11/2022, bà Giàu c gọi điện nhắc nợ bà P để đáo hạn ngân hàng và yêu cầu bà P thanh toán trước số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), bà P có hỏi bà G tổng tiền còn thiếu để đáo hạn là bao nhiêu, bà G trả lời là thiếu số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), bà P nói sẽ giới thiệu cho chỗ anh T để vay nhưng hai bà G và bà P thống nhất sẽ trả như sau:

Bà G trả số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) cho ông T, bà P trả số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) và tiền lãi cho ông T. Đến ngày 03/11/2022, bà G đã chuyển trả cho ông T số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) theo như thỏa thuận của bà G và bà P. Lúc này ông T không đồng ý và nói đã chuyển cho bà G thì bà G phải thanh toán hết. Sau đó, ông T có gọi điện thoại cho bà G rất nhiều lần và hẹn gặp. Ngày 06/11/2022, bà G và ông T có gặp nhau, sau đó bà Giàu c gọi cho bà P để thống nhất việc trả nợ cho ông T số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) còn lại, bà P hứa sẽ có tiền vào ngày 08/11/2022 để trả cho ông T nên bà Giàu có ghi giấy Biên nhận cam kết ngày 09/11/2022 sẽ trả cho ông T. Sau ngày 09/11/2022, vẫn chưa thấy bà P trả tiền cho ông T nên ông T gọi điện thoại cho bà G và bà Giàu c gọi điện thoại cho bà P. Sau đó, bà P sang làm việc với bên ông T và ngày 11/11/2022, bà P có thông báo bằng tin nhắn zalo cho bà G với nội dung là đã thanh toán đâu đó rồi với ông T cả gốc và lãi, bà P và bà Giàu c trao đổi về số nợ còn lại sau khi bà P đã thanh toán cho ông T, trong đó có nội dung *"ngày 02/11/2022 là anh T đưa là tôi nợ ông ấy nên tính đến ngày 01/11 thôi"*. Sau đó, bà Giàu c gọi điện thoại cho ông T để ông T xác nhận là bà P đã thanh toán nhưng ông T không nghe máy nên bà Giàu c gửi một tin nhắn cho ông T với nội dung *"P đã thanh toán đầy đủ với anh rồi nhé anh xác nhận cho em đi"* nhưng ông T không trả lời. Đến hai tháng sau, ngày 11/01/2023, ông T lại tiếp tục gọi cho bà G và yêu cầu trả tiền do bà P không thanh toán cho ông T.

Sau khi bà P nhắn tin là thanh toán hết nợ cho ông T, bà Giàu c yêu cầu bà P cung cấp tài liệu liên quan đến việc bà P đã thanh toán số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) cho ông T nhưng bà P không cung cấp cho bà G, sau khi nhận được giấy triệu tập và thông báo thụ lý vụ án của Tòa án thì ngày 02/3/2023, bà P có chủ động gặp bà G (người đại diện hợp pháp của bị đơn cũng có mặt tại buổi gặp gỡ đó) và hai bên đã thống nhất: bà P sẽ có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa và nói rằng khi ra Tòa án thì có sao sẽ nói vậy là tôi có thỏa thuận với bà G trả cho ông T từ đầu nhưng ông T không chịu và Tòa án xét xử như thế nào thì sẽ làm theo quyết định của tòa, tức là *"nếu tòa xử buộc bà G trả cho ông T thì bà G phải trả còn nếu buộc tôi (P) trả cho ông T thì tôi (P) sẽ thực hiện"*

Vì vậy, bị đơn yêu cầu bà P phải có trách nhiệm trả một tỷ đồng cho ông T theo như thỏa thuận giữa bà P với bà G.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền gốc và tiền lãi thì bị đơn không đồng ý. Người đại diện hợp pháp của bị đơn không có ý kiến và yêu cầu gì đối với số tiền lãi 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) bà G nhờ bà P trả cho ông T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu P và người đại diện hợp pháp của bà P là bà Dương Thị Hồng N thống nhất trình bày:

Thống nhất với phần trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc bà P giới thiệu bà G với ông T để ông T cho bà G vay số tiền 2.000.000.000 đồng, còn thời gian vay và lãi suất vay là do ông T với bà G thỏa thuận, bà P không rõ.

Khi bà G vay tiền của ông T xong, bà Giàu c đề nghị bà P trả cho ông T số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) còn lại và tiền lãi, số tiền bà P trả cho ông T sẽ được cấn trừ vào số tiền bà P vay của bà G. Lúc đầu bà P cũng đồng ý với bà G là sẽ trả cho ông T nhưng sau đó bà P không có khả năng nên bà P nói bà G phải có trách nhiệm trả cho ông T, còn số tiền bà P nợ bà G thì bà P sẽ trả lại sau cho bà G chứ không đồng ý cấn trừ nợ. Việc thỏa thuận cấn trừ nợ giữa bà P với bà G là chỉ giữa hai người chứ không phải thỏa thuận giữa ba bên và bản thân ông T cũng không đồng ý cho bà P trả thay bà G số tiền 1.000.000.000 đồng còn thiếu.

Đối với số tiền lãi 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) bà P đã trả cho ông T, bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà P đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý với trình bày của người đại diện hợp pháp của bị đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định: Buộc bà Nguyễn Ngọc G thanh toán cho ông Phạm Văn T số tiền vay là 1.048.000.000 đồng (một tỷ không trăm bốn mươi tám triệu đồng), trong đó tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) và tiền lãi 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/5/2023, bị đơn bà Nguyễn Ngọc G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Ngọc G là ông Vũ Dương Hữu T1 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Các bên đương sự đều xác định có sự việc vay tiền, theo đó bà G vay của ông T số tiền 2.000.000.000 đồng; bà G đã trả cho ông T số tiền 1.000.000.000 đồng; số tiền còn lại 1.000.000.000 đồng thì bà G hẹn trả vào ngày 09/11/2022, có lập giấy biên nhận (bút lục 66 - 67) nhưng bà G chưa thực hiện nên đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Bà G không đồng ý trả cho ông T số tiền 1.000.000.000 đồng còn lại vì bà G cho rằng bà đã có thỏa thuận với bà Nguyễn Thị Thu P về việc bà P trả nợ thay cho bà G số tiền này. Việc thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ dân sự (trả nợ thay) của bà G và bà P không được ông T đồng ý nên không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 370 Bộ luật Dân sự. Do đó, không có cơ sở chấp nhận ý kiến của bị đơn.

Bị đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng buộc bà P trả cho ông T số tiền 500.000.000 đồng đối với số tiền vay bà G còn nợ ông T nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở xem xét.

Đối với số tiền lãi 48.000.000 đồng: Trường hợp của ông T cho bà G vay là trường hợp có lãi nên căn cứ vào các Điều 357, Điều 466, Điều 468 thì ông T yêu cầu bà G trả lãi là phù hợp. Đối với số tiền lãi, ông T chỉ yêu cầu bà G trả lãi trong thời hạn 03 tháng với mức lãi 1,6%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bà G (không yêu cầu thời hạn tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm). Do đó, kháng cáo của bà G đối với phần này cũng không có cơ sở. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Văn T là ông Phạm Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu P là bà Dương Thị Hồng N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo chứng cứ nguyên đơn xuất trình là Giấy nộp tiền ngày 02/11/2022 thể hiện ông T chuyển khoản cho Công ty TNHH Đ. Theo tra cứu trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp thì người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Đ cũng là bà Nguyễn Ngọc G, là bị đơn trong vụ án. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn đều xác định số tiền 2.000.000.000 đồng bà G vay là vay với tư cách cá nhân của bà G nhưng chuyển khoản qua tài khoản của Công ty TNHH Đ chứ không phải thay mặt Công ty TNHH Đ vay cho công ty. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty TNHH Đ vào tham gia tố tụng là phù hợp.

[3] Nguyên đơn và bị đơn thống nhất, ngày 01/11/2022, ông Phạm Văn T có chuyển khoản cho bà Nguyễn Ngọc G vay số tiền 2.000.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 02/11/2022, đến ngày 03/11/2022, bà G đã thanh toán cho ông T số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) và bà P đã thanh toán cho ông T số tiền lãi thay cho bà P là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Theo biên nhận (bút lục 12) có nội dung "*Ngày 3/11/20022. G đã trả cho anh T trước 1 tỷ tiền mượn, còn lại 1 tỷ ngày 9/11/2022 sẽ trả lại 1 tỷ còn lại*", biên nhận do bà G viết và ký tên. Bà G cho rằng số tiền còn lại giữa bà G với bà P có thỏa thuận là bà P có trách nhiệm thanh toán cho ông T. Xét thấy, bà G cho rằng số tiền còn

lại giữa bà G với bà P đã có thỏa thuận, bà P cũng thừa nhận có thỏa thuận với bà G sẽ trả số tiền còn lại cho ông T nhưng sau đó bà P không có khả năng trả nên yêu cầu bà G phải có trách nhiệm trả. Riêng số tiền bà P nợ của bà G thì bà P sẽ có trách nhiệm trả cho bà G sau. Như vậy, bà P đã thay đổi thỏa thuận và việc thỏa thuận giữa bà G với bà P không được sự đồng ý của ông T đồng ý, cũng không có thỏa thuận ba bên. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên buộc bà G phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ là 1.000.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Đối với số tiền lãi 48.000.000 đồng: giao dịch vay tiền giữa ông T cho bà G vay là trường hợp có lãi, do thỏa thuận lãi suất hai bên vượt quá mức lãi suất 20%/năm của khoản vay theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên trong trường hợp này mức lãi suất áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 20%/năm, tương đương 1,66%/tháng nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi là phù hợp theo quy định tại Điều 357, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[6] Bị đơn kháng cáo, cung cấp các tin nhắn zalo giữa bà P với bà G; tin nhắn giữa ông T với bà G. Tuy nhiên như đã phân tích ở trên, việc vay tiền không có bất kỳ thỏa thuận ba bên nào giữa ông T, bà G với bà P đối với số nợ còn lại; tin nhắn ông T không thể hiện nội dung ông T đồng ý để bà P thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà G. Do vậy, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo bị đơn bà Nguyễn Ngọc G.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn bà Nguyễn Ngọc G phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006433 ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương (do ông Vũ Dương Hữu T1 nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố D;
- TAND thành phố D;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

(Đã ký)

Đinh Thị Mộng Tuyết